

Xét đề nghị của Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 488/ CV-TCKT ngày 20 tháng 5 năm 2004;

Theo đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi khoản 3 Điều 1 Quyết định số 249/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Phát triển Khoáng sản 4 thành Công ty cổ phần Phát triển Khoáng sản 4 như sau:

“3. Ưu đãi cho người lao động trong Công ty.

Tổng số cổ phần bán ưu đãi cho 325 lao động trong Công ty là 26.457 cổ phần với giá trị được ưu đãi là 793.710.000 đồng.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam, Giám đốc Công ty Phát triển Khoáng sản 4 và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Phát triển Khoáng sản 4 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
Thứ trưởng

Nguyễn Xuân Thúy

BỘ QUỐC PHÒNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng số 69/2004/QĐ-BQP ngày 20/5/2004 về việc ban hành “Thẻ sĩ quan dự bị”.

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21/12/1999;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12/11/1996, đã sửa đổi, bổ sung một số điều ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 30/2004/NĐ-CP ngày 16/01/2004 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 26/2002/NĐ-CP ngày 21/3/2002 của Chính phủ về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam;

Theo đề nghị của đồng chí Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Thẻ sĩ quan dự bị” để cấp cho sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam phục vụ ở ngạch dự bị, nhằm đáp ứng yêu cầu công tác đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị của các cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội, đồng thời tạo

thuận lợi cho sĩ quan dự bị khi làm nhiệm vụ quân sự ở đơn vị dự bị động viên.

Điều 2. “Thẻ sĩ quan dự bị” hình chữ nhật dài 90 mm, rộng 60 mm; hai mặt màu nâu nhạt; hoa văn mặt trước hình quân hiệu mờ và có các dải tia màu nâu nhạt; hoa văn mặt sau hình tròn nhỏ màu nâu nhạt, gồm nội dung sau:

1. *Mặt trước:* Trên cùng là dòng tiêu đề “Quân đội nhân dân Việt Nam”; phần bên trái, phía trên: hình Quân hiệu, dưới ô dán ảnh; phần bên phải, trên cùng: “Thẻ sĩ quan dự bị” (in màu đỏ), dưới là số thẻ, tiếp theo gồm: Họ và tên, cấp bậc, số hiệu sĩ quan, đơn vị cấp, ngày tháng năm; dưới cùng chính giữa là dòng: “SẴN SÀNG BẢO VỆ TỔ QUỐC”.

2. *Mặt sau:* Sinh ngày, dân tộc, quê quán, đăng ký lần đầu tại, nhập ngũ, xuất ngũ, đơn vị khi xuất ngũ, đào tạo sĩ quan dự bị tại, thời gian, chuyên nghiệp quân sự, đăng ký lần đầu tại, nhận dạng: cao 1m...

Điều 3. Mỗi sĩ quan dự bị trong thời gian phục vụ ở ngạch dự bị hoặc sĩ quan thường trực đã chuyển sang ngạch dự bị được cấp và sử dụng 01 (một) “Thẻ sĩ quan dự bị” và có số thẻ riêng.

Điều 4. “Thẻ sĩ quan dự bị” do người chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng ký và cấp cho các đối tượng sau khi được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phong quân hàm sĩ quan dự bị và sĩ quan thường trực chuyển sang ngạch dự bị.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý và sử dụng “Thẻ sĩ quan dự bị”

1. Chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực

thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc cấp phát, quản lý, sử dụng “Thẻ sĩ quan dự bị” và có quyền thu hồi “Thẻ sĩ quan dự bị” thuộc phạm vi quản lý của mình trong các trường hợp: Sĩ quan dự bị từ trần, giải ngạch sĩ quan dự bị, bị tước quân hàm sĩ quan dự bị, bị tòa án tuyên phạt án phạt tù.

2. Chỉ huy cơ quan quân sự huyện (quận, thị xã) tạm thời thu hồi “Thẻ sĩ quan dự bị” thuộc phạm vi quản lý của mình trong trường hợp sĩ quan dự bị vi phạm pháp luật đến mức phải khởi tố.

3. Cục Cán bộ Tổng cục Chính trị trực tiếp giúp Bộ Quốc phòng quản lý việc in ấn, phát hành, cấp phát, thu hồi, sử dụng “Thẻ sĩ quan dự bị” và hướng dẫn tổ chức thực hiện.

4. Sĩ quan dự bị có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản “Thẻ sĩ quan dự bị” của mình và trình báo khi làm nhiệm vụ ở đơn vị dự bị động viên và các trường hợp liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi của sĩ quan dự bị. Trường hợp làm mất, làm hỏng phải kịp thời báo ngay cho cơ quan quân sự huyện (quận, thị xã).

Điều 6. Nghiêm cấm việc khai man, tẩy xóa, sửa chữa, cho mượn, sử dụng không đúng mục đích và mọi hành vi trái phép khác trong quản lý, sử dụng “Thẻ sĩ quan dự bị”. Nếu vi phạm thì tùy theo lỗi nặng nhẹ sẽ bị xử lý kỷ luật theo Điều lệnh quân đội.

Điều 7. “Thẻ sĩ quan dự bị” mới được cấp phát từ tháng 7 năm 2004. “Thẻ sĩ quan dự bị” đã được cấp trước tháng 6 năm 2004 vẫn có giá trị sử dụng như “Thẻ sĩ quan dự bị” mới.

09673897

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft

Sĩ quan dự bị được thăng quân hàm từ cấp úy lên cấp tá hoặc trường hợp bị mất thẻ có lý do chính đáng thì được cấp thẻ mới.

Các đồng chí Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây về “Thẻ sĩ quan dự bị” trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
Thứ trưởng

Trung tướng Nguyễn Văn Rinh

MẪU "THẺ SĨ QUAN DỰ BỊ"

(kèm theo Quyết định số 69/2004/QĐ-BQP ngày 20 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng).

Mẫu mới

Mẫu cũ